

Bản án số: 37/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 12-9-2025

V/v: *Ly hôn*.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hà Quốc Trung**

Bà Trần Thế Yên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Hoàng Đức Định** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: **Ông Hà Chí Kiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Lào Cai. Xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2025/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về “*Ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị H.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Đình Đ.

Địa chỉ: Thôn F, xã M, tỉnh Lào Cai. (*Các đương sự đều vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-7-2025 và Bản tự khai ngày 06-8-2025, nguyên đơn là chị Hoàng Thị H trình bày:

Chị và anh Hoàng Đình Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái (Nay là xã M, tỉnh Lào Cai) vào ngày 18-12-2002. Sau khi kết hôn hai người chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Hoàng Đình Đ thường xuyên uống rượu rồi về chửi mắng chị. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Hoàng Đình Đ không sửa chữa nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Đến nay chị xác định tình cảm giữa hai người không còn. Nên chị yêu cầu tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Hoàng Đình Đ.

Về con chung, chị Hoàng Thị H xác định giữa hai người có 01 con chung là cháu Hoàng Thị H1 - sinh ngày 25-8-2004. Hiện nay cháu đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hoàng Thị H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14-8-2025, bị đơn là anh Hoàng Đình Đ trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị H kết hôn năm 2002 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái (Nay là xã M, tỉnh Lào Cai) vào ngày 18-12-2002. Sau khi kết hôn, hai người chung sống hạnh phúc bình thường, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Năm 2013 hai người cùng vào Đồng Nai làm, đến năm 2017 anh về quê trước để làm nhà còn chị Hoàng Thị H vẫn ở lại Đồng Nai làm việc. Đến nay chị Hoàng Thị H xin ly hôn, anh cũng không biết lý do vì sao nhưng cũng nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Hoàng Thị H.

Về con chung, anh Hoàng Đình Đ xác định giữa hai người có 01 con chung là cháu Hoàng Thị H1 - sinh ngày 25-8-2004. Hiện nay cháu đã trưởng thành và xây dựng gia đình riêng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hoàng Đình Đ không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Đình Đ có đề nghị tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt vì không có điều kiện tham gia tố tụng.

Tòa án nhân dân khu vực 2- Lào Cai đã thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Hoàng Đình Đ không tham dự, Nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà, các đương sự đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt. Các đương sự đều có đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã nêu trong quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát khu vực 2 - Lào Cai tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng. Các đương sự đều có đề nghị xét xử vắng mặt, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung, căn cứ trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, nội dung xác minh tại cơ sở, thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn là có căn cứ do hiện nay tình trạng vợ chồng giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ

vào quy định tại các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xử cho nguyên đơn ly hôn với bị đơn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn cư trú tại xã M, tỉnh Lào Cai. Vì vậy theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lào Cai.

[1.2] Các đương sự đều có đơn xin xử vắng mặt, vì vậy toà án căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Yên Bái (Nay là xã M, tỉnh Lào Cai) cấp ngày 18-12-2002, thể hiện việc kết hôn giữa anh Hoàng Đình Đ và chị Hoàng Thị H là hợp pháp. Theo lời khai của nguyên đơn thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014 đến nay, do không thể hàn gắn được nên đề nghị được ly hôn. Lời khai của bị đơn cũng thể hiện nhất trí ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Vì vậy có đủ căn cứ thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Đình Đ không còn. Các đương sự đều không có nguyện vọng hàn gắn quan hệ hôn nhân. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xử cho chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Đình Đ được ly hôn.

[2.2] Về con chung, tài sản và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn, chị Hoàng Thị H có yêu cầu ly hôn, anh Hoàng Đình Đ nhất trí ly hôn. Do các đương sự cùng đề nghị xử vắng mặt nên không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, nhưng cần ghi nhận việc các bên thống nhất được về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để buộc các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2, tỉnh Lào Cai về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 238, các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số: 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Hoàng Đình Đ.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: 0000460 ngày 30-7-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị Hoàng Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại 225.000 đồng đã nộp.

Anh Hoàng Đình Đ phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 2-Lào Cai;
- THA Dân sự tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự
- Niêm yết, UBND xã M.
- Lưu: Hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Dũng